

**DIỄN VĂN KHAI MẠC
LỄ KHÁNH THÀNH**

CHÙA LÂN - THIỀN VIỆN TRÚC LÂM YÊN TỬ

(Ngày 11 tháng 11 năm Nhâm Ngọ – 14 . 12 . 2002)

Kính thưa quý vị,

Hôm nay là ngày vui nhất của Tăng, Ni, Phật tử chúng tôi, được quý Hòa thượng, quý Thượng tọa lãnh đạo Giáo hội, cùng quý quan khách trong các Bộ, các Sở, các ngành và Phật tử xa gần đồng đến dự lễ Khánh thành chùa Lân – Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử do chúng tôi được phép xây dựng. Thật là một vinh dự lớn lao của chúng tôi.

Chùa Lân – Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử xây dựng trong ba tháng là xong, là nhờ sự giúp đỡ của Chánh quyền tỉnh Quảng Ninh, Chánh quyền thị xã Uông Bí và Chánh quyền sở tại; đồng thời được nhiệt tình ủng hộ của Cục Bảo tàng Bảo tồn, Ban Di tích Yên Tử thường xuyên hướng dẫn chỉ bảo cho chúng tôi. Lại được sự góp công, góp của, toàn thể Phật tử gần xa, cùng các chú thợ, các anh em nhân công đều cật lực, một lòng một dạ gắng sức làm ngày làm đêm mới được kết quả như thế này.

Thưa quý vị,

Chúng tôi chủ trương khôi phục Thiền tông đời Trần với mục đích gì?

- Bởi Phật giáo Thiền tông Việt Nam có vị trí rất vững mạnh so với Phật giáo Thiền tông của các nước Phật giáo bạn, như Thiền tông Ấn Độ, Thiền tông Trung Hoa, Thiền tông Nhật Bản, ... Cụ thể là:

Thiền tông Ấn Độ: Trục chỉ, siêu lý giải. Thiền tông Trung Hoa: Trục chỉ, tảo bạo. Thiền tông Nhật Bản: Trục chỉ, nghệ thuật và thông tục. Thiền tông Việt Nam: Trục chỉ, thi vị và tùy cơ.

*** Thiền tông Ấn Độ: Trục chỉ, siêu lý giải là sao?**

- Ngài A-Nan hỏi Tổ Ca Diếp: Thế Tôn ngoài truyền y bát, còn truyền cái gì cho Su huynh không? Tổ Ca Diếp liền gọi: A-Nan! A-Nan: Dạ! Bảo: Cây phướn trước chùa ngài. Ngài A-Nan liền ngộ. Đây là trục chỉ.

Lại Tổ Bồ Đề Đạt Ma, sau khi nhận Ngài Huệ Khả làm đệ tử, Huệ Khả hỏi: Bạch Hòa thượng, tâm con không an, xin Hòa thượng dạy con pháp an tâm. Tổ nhìn thẳng mặt Ngài

bảo: Đem tâm ra ta an cho! Huệ Khả xoay lại tìm tâm không thấy, thưa: Con tìm tâm không được. Tổ bảo: Ta đã an tâm cho ngươi rồi. Ngài Huệ Khả liền biết lối vào. Đây là siêu lý giải.

*** Thiên tông Trung Hoa: Trục chỉ, táo bạo.**

Thiền sư Đức Sơn mỗi khi có người hỏi bất cứ câu nào đều đập một gậy, nói: Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người.

Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền có người hỏi liền hét một tiếng!... Đây là Trục chỉ, song rất táo bạo.

*** Thiên tông Nhật Bản: Trục chỉ, nghệ thuật và thông tục.**

Thiền sư Nhật Bản thích tạo Vườn thiền, Trà thiền hay Trà đạo... Vườn thiền là thu gọn thiên nhiên vào một khung cảnh nhất định, như những khối đá, gò núi, cội tùng, khóm hoa, lùm trúc, cây cầu bắc ngang dòng suối, con đường trải sỏi..., để nói lên thiên nhiên thâm lặng tịch tĩnh không lời, người đi vào vườn tâm tư yên tĩnh hòa nhịp với thiên nhiên, chính đây là Thiền.

Trà đạo là những người bạn đồng tu cùng đến uống trà trong không khí yên tĩnh thâm lặng, súc bình, chế trà, dọn chun đĩa, bỏ trà vào bình, rót trà vào chun, bung chun trà lên uống, mọi hành động đều trong thâm lặng, nhẹ nhàng, thanh thoát mà vô ngôn. Chính đây là đồng nghĩa với Thiền sư Tùng Thâm ở Triệu Châu, Trung Hoa, mời khách “Uống trà đi.” Vườn thiền, uống trà đều là nghệ thuật.

Người Nhật lại phổ thiền vào các ngành nghề, như Nhu đạo là đánh võ, Kiếm đạo là đánh kiếm, ... Đây là Thiền thông tục.

*** Thiên tông Việt Nam: Trục chỉ, thi vị, tùy cơ.**

Vua Lý Thái Tông hỏi Thiền sư Thiền Lão: Hòa thượng trụ núi này được bao lâu?
Sư đáp:

Chỉ biết ngày tháng này

Ai rành xuân thu trước.

(Đản tri kim nhật nguyệt

Thùy thức cựu xuân thu.)

Vua hỏi: - Hằng ngày Hòa thượng làm gì?

Sư đáp:

Trúc biếc hoa vàng đầu cảnh khác

Trắng trong mây bạc hiện toàn chân.

(Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh

Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân.)

Đây là dùng thi văn để chỉ thẳng (trực chỉ) chỗ tốt cùng của người tu thiền. Thiền sư không vướng mắc thời gian, không giới hạn không gian. Ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không tâm, tâm cảnh hòa nhịp, trong không gian bao la không giới hạn.

Có người hỏi Sơ Tổ Trúc Lâm: Thế nào là gia phong của Hòa thượng?

Tổ đáp:

Áo rách che mây, sáng ăn cháo,

Bình xưa tưới nguyệt, tối uống trà.

Gia phong của Ngài là thân mặc áo rách, sáng ăn cháo, trưa ăn cơm. Công tác là xách bình đi tưới cây, tối ngồi uống trà. Quả là “Bình thường tâm thị đạo.” Nếp sống của Ngài đúng với ý nghĩa đơn sơ đạm bạc, nên tự xưng Hương Vân Đại Đầu Đà, hay Trúc Lâm Đại Đầu Đà. Chữ Đầu Đà là tiếng Phạn, dịch nghĩa là khổ hạnh. Những đối đáp như trên là trực chỉ, thi vị.

Các Tổ Thiền tông đời Trần vì thấy căn cơ người dân đa số quê dốt, không thể dùng Thiền tông chỉ thẳng được, nên mượn pháp môn Tịnh Độ dạy họ tu. Song Tịnh Độ ở đây là lý Tịnh Độ. Trong bài Phú Cư Trần Lạc Đạo của Thượng hoàng Trần Nhân Tông có đoạn nói:

... Tịnh Độ là lòng trong sạch,

Chớ còn ngờ hỏi đến Tây Phương.

Di Đà là tánh sáng soi,

Mưa phải nhọc tìm về Cực Lạc.

Nương câu Hồng danh đức Phật A-Di-Đà chuyên tâm trì niệm, tâm được yên lặng là Tịnh Độ. Tâm lặng thì Phật tánh hiển lộ, là thấy Phật A-Di-Đà. Nên nói “Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ.”

Người dân quê còn tin sự linh ứng mầu nhiệm của quỷ thần, thiên sư đời Trần dạy họ trì chú để trừ tà ếm quỷ và nhờ thần lực của chú để cúng đàn giải oan... Đây là tùy cơ. Tuy có Tịnh, Mật đồng tu, song Thiền tông đóng vai chủ đạo. Thế là Thiền tông lãnh đạo Phật giáo Việt Nam từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ 18, mới bị lãng quên.

Tại sao Thiền tông bị chôn sâu vào quên lãng?

Từ khi vua Gia Long thống nhất đất nước, lập ra triều đình nhà Nguyễn (1802), triều đình này học theo tổ chức triều đình nhà Thanh, từ hành chánh, quân sự, ngoại giao, ... đều rập khuôn theo nhà Thanh. Có lẽ Phật giáo Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng rập khuôn này.

Quyển Nhị Thời Khóa tụng do các nhà sư Trung Hoa soạn thảo, dưới sự hướng dẫn của vua Khang Hy nhà Thanh được truyền vào Việt Nam một cách ào ạt. Các tự viện từ Bắc chí Nam đều lấy Nhị thời khóa tụng làm công khóa tu hành. Nhị thời khóa tụng là sáng sớm trì chú Lăng Nghiêm hoặc Đại Bi Thập Chú, chiều tụng kinh Di Đà và niệm Phật. Đây là tu Tịnh, Mật song hành. Tịnh Độ tông lấy Tín Hạnh Nguyện làm căn bản, Mật tông lấy thần lực linh thiêng làm tiêu chuẩn. Ngang đây Thiền tông Việt Nam bị loại khỏi các tự viện Phật giáo Việt Nam. Phật giáo Việt Nam từ đây trở thành tôn giáo thuần túy tín ngưỡng. Đã thuần túy tín ngưỡng thì dễ rơi vào mê tín dị đoan. Đây là điều không thể tránh khỏi. Phật sự của Tu sĩ chỉ là cúng kính cầu nguyện. Vì thế, hiện nay người đời thường gán cho Tu sĩ những từ: Thầy chùa, Thầy cúng, Thầy đám, còn tệ hại hơn là Nghề thầy chùa.

Đạo Phật là đạo giác ngộ, Phật giáo là giáo lý giác ngộ. Nếu Tu sĩ đạo Phật mà không biết giác ngộ là gì, Phật giáo là gì, mà chỉ dạy tụng cúng, ấn chú để xua tà đuổi quỷ thì còn gì là đạo Phật? Chính đây là nỗi đau xót của chúng tôi. Khát vọng đem Thiền tông vào tự viện của Phật giáo Việt Nam, để mở toang cánh cửa giác ngộ mà hơn trăm năm nay bị đóng kín. Đây là mục đích duy nhất của chúng tôi.

Thiền tông đã bị băng giá ngót hai thế kỷ, nay chúng tôi cố gắng nhen nhóm lại ngọn lửa giác ngộ của Thiền tông vừa mới cháy le lói yếu ớt, chỉ cần một làn gió nhẹ thổi qua cũng đủ tắt ngấm. Chúng tôi hy vọng những vị có mặt hôm nay và những người vắng mặt, sẽ là người tri kỷ của chúng tôi, hoặc là những người có nhận định chín chắn phân biệt rõ chánh tà, để cùng góp lời góp sức làm việc hộ pháp “Tồi tà phụ chánh.” Quý vị sẽ là những tấm màn chắn gió, che chở bao bọc cho ngọn lửa Thiền tông giác ngộ yếu ớt này dần dần được sáng tỏ.

Chúng tôi chân thành biết ơn quý vị.

Chúc quý vị thân thể an Khang, trí tuệ sáng suốt.

Kính chào quý vị!

